TAND THÀNH PHỐ L **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố L, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2022/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1997

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Tạm trú: 214 đường T, tổ 9, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Anh Đèo Ngọc H, sinh năm 1998

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Tạm trú: ngõ 368, tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 11/12/2019 của UBND xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu Đến nay, chị T và anh H đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thực sự tự nguyện ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn.

[2] Chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H đã thỏa thuận được với nhau về việc: tự khai không có tài sản chung, nợ chung, cho vay chung; việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung; nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa

thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H.

- Về việc nuôi con: chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H có 01 con chung tên là Đèo Lê Ngọc N, sinh ngày 18/10/2020. Chị T và anh H thỏa thuận như sau:

Chị Lê Thị Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đèo Lê Ngọc N, sinh ngày 18/10/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đèo Ngọc H có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đèo Lê Ngọc N số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/10/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về lãi chậm thi hành án, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh H chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Đèo Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị Thanh T và anh Đèo Ngọc H mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Chị T tự nguyện nộp thay anh H số tiền lệ phí mà anh H phải nộp, anh H nhất trí. Tổng cộng chị Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Xác nhận chị Lê Thị Thanh T đã nộp đủ số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001338 ngày 07/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã M,
huyện P, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA dân sự thành phố L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga